

Số: 71/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định cơ chế, chính sách cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH14 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo về các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 261/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng

Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 948/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 924/BC-BVHXH ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân, hộ gia đình liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố Hồ Chí Minh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Cơ chế, chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo

1. Đối tượng vay vốn

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận hộ thoát nghèo);

b) Học sinh, sinh viên là thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Mức cho vay

a) Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (không bao gồm thành viên là học sinh, sinh viên): mức cho vay tối đa 200 triệu đồng/hộ;

b) Đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: mức cho vay bằng mức quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng cho vay học sinh, sinh viên.

3. Thời hạn cho vay

a) Đối với hộ nghèo: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo

và đối tượng chính sách khác và Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Đối với hộ cận nghèo: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23 tháng 2 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo và Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội;

c) Đối với hộ mới thoát nghèo: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo;

d) Đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng cho vay học sinh, sinh viên.

4. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất cho vay trong hạn: 0,5%/tháng;

b) Lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn.

Điều 3. Cơ chế, chính sách cho vay giải quyết việc làm

1. Đối tượng vay vốn: người lao động vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

2. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

Điều 4. Cơ chế, chính sách cho vay người chấp hành xong án phạt tù

Đối tượng vay vốn, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

Điều 5. Cơ chế, chính sách cho vay để mua, thuê mua nhà ở xã hội; nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở

Đối tượng vay vốn, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

Điều 6. Các quy định liên quan đến nghiệp vụ cho vay, thu hồi, xử lý nợ

Các quy định khác liên quan đến nghiệp vụ cho vay, thu hồi, xử lý nợ của các chính sách cho vay được thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 7. Nguồn vốn thực hiện chính sách

Nguồn vốn cho vay là nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Nghị quyết này thay thế Điều 3 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc được cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản mới để quy định nội dung tương ứng thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc văn bản được ban hành mới.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (Ban VHXH - Ng).

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh